TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 615/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Bà Trương Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh là Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2018 về Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Gia T, sinh năm 1998 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp MP, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn N, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp BL, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2017 và lời khai của chị Trương Gia T trình bày: Chị và anh N kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn với Ủy ban nhân dân xã BC. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn, do anh N chỉ ăn chơi, cờ bạc, uống rượu và đánh đập chị. Ngày 26/12/2006, anh N đánh

và bóp cổ chị, không thể chung sống nên chị đã ly thân từ ngày 21-01-2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh N.

Chị và anh N không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho chị T được ly hôn anh N. Chị T và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh N là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh N kết hôn ngày 24/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh. Vợ chồng chung sống khoảng hơn 05 tháng thì ly thân cho đến nay. Chị T cho rằng anh N chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, uống rượu, còn có hành vi đánh đập chị. Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh N để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn chị T về việc ly hôn nhưng anh N không có ý kiến.

Qua xác minh được đia phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh N.

Chị T và anh N là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Chị T và anh N hôn nhân tồn tại chỉ một thời gian ngắn rồi ly thân đến nay gần hai năm, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn cho chị T được ly hôn anh N.

[2.2] Chị T và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Gia T.

Chị Trương Gia T được ly hôn anh Phan Văn N.

Chị T và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002519 ngày 13 tháng 03 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn